

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải

Mã chứng khoán: TVG

Địa chỉ trụ sở chính: số 26, ngõ 371 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.3.7.714.276

Fax: 024.3.8.461.892

Người thực hiện công bố thông tin: ông Nguyễn Trường Thành

Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2022 Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông vận tải và giải trình các ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ thông tin: <http://tricc-jsc.com.vn> và <http://tricc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TTHĐQT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**

MỤC LỤC

UNỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Hạc	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên
Ông Đặng Anh Hào	Thành viên
Ông Đặng Tuấn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Công Phú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thúy Hào

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Hoàn	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Phạm Thành Đoàn	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trường Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Số: 243/2023/UHY -BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27/03/2023, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng xác nhận đối với một số khoản công nợ tại 31/12/2022 bao gồm: các khoản "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" với số tiền là 22.658.228.136 đồng; các khoản "Trả trước cho người bán ngắn hạn" với số tiền là 4.815.079.001 đồng, các khoản "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" với số tiền là 3.998.657.916 đồng và các khoản "Phải trả người bán ngắn hạn" với số tiền là 4.771.104.624 đồng. Bằng các thủ tục thay thế khác chúng tôi cũng không thể xác nhận được tính trung thực hợp lý của các khoản công nợ chưa được đối chiếu đầy đủ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2022, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với giá trị là 16.197.947.040 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 12.133.915.340 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1395-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.397.006.192	113.438.336.595
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	674.902.510	1.521.037.588
Tiền	111		674.902.510	1.521.037.588
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.282.658.037	82.940.804.209
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	39.615.466.310	32.859.034.372
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.205.579.001	5.343.615.801
Các khoản phải thu khác	136	8	35.047.516.163	45.324.057.473
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(585.903.437)	(585.903.437)
Hàng tồn kho	140	9	18.399.970.873	28.976.384.798
Hàng tồn kho	141		18.399.970.873	28.976.384.798
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.474.772	110.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	39.364.772	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	110.000	110.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.726.056.742	5.318.798.548
Tài sản cố định	220		4.515.784.743	5.108.526.549
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.515.784.743	5.108.526.549
- Nguyên giá	222		23.048.661.722	23.048.661.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.532.876.979)	(17.940.135.173)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		1.186.118.744	1.186.118.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.186.118.744)	(1.186.118.744)
Tài sản dở dang dài hạn	240		208.704.364	208.704.364
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	208.704.364	208.704.364
Tài sản dài hạn khác	260		1.567.635	1.567.635
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.567.635	1.567.635
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		103.123.062.934	118.757.135.143

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		71.342.346.829	88.645.781.418
Nợ ngắn hạn	310		66.682.488.005	83.770.110.998
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.670.579.588	14.852.774.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	5.896.559.689	2.947.501.007
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.322.459.285	7.388.116.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	602.980.628	362.721.742
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.141.179.573	5.248.088.280
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	34.695.323.543	52.580.203.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		353.405.699	390.705.699
Nợ dài hạn	330		4.659.858.824	4.875.670.420
Phải trả người bán dài hạn	331	14	4.659.858.824	4.659.858.824
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13	-	107.811.596
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	-	108.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.780.716.105	30.111.353.725
Vốn chủ sở hữu	410	19	31.782.224.105	30.072.361.725
Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.295.890.000	20.295.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.295.890.000	20.295.890.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.306.571.816	9.306.571.816
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.179.762.289	469.899.909
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		469.899.909	337.568.743
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.709.862.380	132.331.166
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(1.508.000)	38.992.000
Nguồn kinh phí	431		(1.508.000)	38.992.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		103.123.062.934	118.757.135.143

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Phạm Mỹ Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thúy Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	71.682.552.350	30.262.117.901
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.682.552.350	30.262.117.901
Giá vốn hàng bán	11	21	46.903.295.490	16.936.716.516
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.779.256.860	13.325.401.385
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	8.235.528	7.186.988
Chi phí tài chính	22	23	2.731.596.518	2.358.596.021
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.731.576.885	2.357.811.891
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.893.328.311	9.027.244.782
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.162.567.559	1.946.747.570
Thu nhập khác	31		810	223.112.591
Chi phí khác	32	25	561.992.479	1.646.986.765
Lợi nhuận khác	40		(561.991.669)	(1.423.874.174)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.600.575.890	522.873.396
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	890.713.510	390.542.230
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.709.862.380	132.331.166
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	842	65

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Phạm Mỹ Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Hào

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trường Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	72.934.921.650	25.629.749.949
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(14.301.227.989)	(9.388.621.345)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.088.316.302)	(19.915.527.474)
Tiền lãi vay đã trả	04	(2.484.691.568)	(2.100.152.971)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.260.088.508)	(341.146.667)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.305.644.664	14.625.085.451
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.075.334.581)	(19.142.506.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.030.907.366	(10.633.119.818)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	15.454.546
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.857.446	7.228.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.857.446	22.682.630
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	43.849.309.543	44.277.623.266
Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.734.189.800)	(37.495.944.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.884.880.257)	6.781.678.873
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(846.115.445)	(3.828.758.315)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.521.037.588	5.350.580.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.633)	(784.130)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	674.902.510	1.521.037.588

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Phạm Mỹ Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Hảo

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng - đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 2834/QĐ-BGTVT ngày 15/08/2005 và Quyết định số 4382/QĐ-BGTVT ngày 18/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100104570 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010328 đăng ký lần đầu ngày 16/12/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 24 tháng 08 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 26, ngõ 371 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 20.295.890.000 đồng chia thành 2.029.589 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Tháng 01/2010, cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là TVG.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 70 người (Tại ngày 31/12/2021 là 73 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực tư vấn và xây dựng các công trình giao thông.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải;
- Khảo sát, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm: hầm, cầu, cống, đường, ga, trạm, hệ thống thông tin tín hiệu, xây dựng công nghiệp và dân dụng);
- Thiết kế, đóng mới, phục hồi, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị cơ khí chuyên dụng cho ngành đường sắt;
- Tư vấn kiểm định, tư vấn giám sát chất lượng thi công xây dựng các công trình giao thông;
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;
- Tư vấn soạn thảo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;
- Thi công xây dựng công trình thực nghiệm và các công trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (305 đường D5, phường 25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh).
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Khảo sát Công trình (Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội).
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Đầu tư Bất động sản (Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa xem xét đánh giá trích lập các khoản phải thu quá hạn thanh toán.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho là bình quân gia quyền. Công ty đang xác định giá trị dở dang cuối mỗi kỳ của mỗi công trình căn cứ vào tỷ lệ doanh thu lũy kế đã ghi nhận của công trình đó trên tổng số doanh thu theo hợp đồng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08

3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Các chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

<i>Loại chi phí</i>	<i>Thời gian phân bổ (năm)</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	01 - 02
- Chi phí sửa chữa	01
- Các chi phí khác	01 - 02

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

<i>Loại chi phí</i>	<i>Thời gian phân bổ (năm)</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	01 - 02
- Chi phí sửa chữa	01
- Các chi phí khác	01 - 02

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi chí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí lãi vay”).

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay được trích căn cứ vào dư nợ gốc, thời hạn và lãi suất áp dụng.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu hoạt động khác bao gồm doanh thu từ cho thuê văn phòng, cho thuê ô tô được ghi nhận theo nội dung của hợp đồng thuê, thời gian cho thuê trong năm tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá. Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm 2022 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	402.865.900	241.264.700
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	272.036.610	1.279.772.888
	674.902.510	1.521.037.588

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	39.364.772	-
- Công cụ dụng cụ	39.364.772	-
Dài hạn	1.567.635	1.567.635
- Công cụ dụng cụ	1.567.635	1.567.635
	40.932.407	1.567.635

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Công trình Giao thông Trường Định	762.918.000	762.918.000
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Xây dựng ADCOM	621.562.000	621.562.000
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Giao thông 4	419.000.000	419.000.000
- Công ty CP Tư vấn thiết kế 179	365.750.000	365.750.000
- Trung tâm môi trường công nghiệp	300.000.000	300.000.000
- Công ty Bảo hiểm BĐS Đông Đô	255.251.400	255.251.400
- Đối tượng khác	2.481.097.601	2.619.134.401
	5.205.579.001	5.343.615.801

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số 26, Ngõ 371 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ban Quản lý Dự án Đường sắt (PMU-RAIL)	15.696.940.282	(104.366.175)	8.254.963.771	(104.366.175)
- Liên danh NJPT	7.357.765.908	-	1.405.680.004	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	5.725.554.311	-	839.523.048	-
- Các công trình Xí nghiệp cầu hầm	1.613.831.639	(262.623.500)	1.613.831.639	(262.623.500)
- Công ty CP BTO đường tránh Thanh Hóa	1.044.429.000	-	1.044.429.000	-
- Đối tượng khác	8.176.945.170	(218.913.762)	19.700.606.910	(218.913.762)
	39.615.466.310	(585.903.437)	32.859.034.372	(585.903.437)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Các khoản tạm ứng	32.957.573.289	-	24.553.992.068	-
- Ký cược, ký quỹ	518.645.894	-	518.645.894	-
- Lãi dự thu	378.082	-	246.575	-
- Phải thu khác	1.570.918.898	-	20.251.172.936	-
+ Tạm ứng lương cho người lao động	825.676.181	-	19.626.030.105	-
+ Thuế TNCN phải thu người lao động	574.692.547	-	445.720.213	-
+ Phải thu BHXH	105.155.609	-	112.905.899	-
+ Phải thu khác	65.394.561	-	66.516.719	-
	35.047.516.163	-	45.324.057.473	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	6.764.500	-	6.764.500	-
- Công cụ, dụng cụ	12.475.813	-	12.475.813	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.380.730.560	-	28.957.144.485	-
	18.399.970.873	-	28.976.384.798	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2022	14.093.507.569	7.242.516.573	1.712.637.580	23.048.661.722
31/12/2022	14.093.507.569	7.242.516.573	1.712.637.580	23.048.661.722
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2022	9.833.989.549	7.197.117.895	909.027.729	17.940.135.173
- Khấu hao trong năm	415.047.260	17.240.000	160.454.546	592.741.806
31/12/2022	10.249.036.809	7.214.357.895	1.069.482.275	18.532.876.979
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2022	4.259.518.020	45.398.678	803.609.851	5.108.526.549
31/12/2022	3.844.470.760	28.158.678	643.155.305	4.515.784.743

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 11.107.437.189 đồng.

- Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 4.487.626.065 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	1.186.118.744	1.186.118.744
31/12/2022	<u>1.186.118.744</u>	<u>1.186.118.744</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2022	1.186.118.744	1.186.118.744
31/12/2022	<u>1.186.118.744</u>	<u>1.186.118.744</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	-	-
31/12/2022	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 1.186.118.744 đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản (*)	208.704.364	208.704.364
	<u>208.704.364</u>	<u>208.704.364</u>

(*) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản là các chi phí thực hiện thủ tục pháp lý đề nghị cấp Giấy phép xây dựng cho công trình nhà làm việc 2 tầng.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	5.896.559.689	2.947.501.007
- Công ty CP Tập đoàn du lịch Crystal Bay	1.533.068.700	-
- Ban Quản lý Dự án đường sắt (PMU-RAIL)	966.564.116	1.043.426.925
- Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng	847.543.882	-
- Ban Quản lý dự án 85	840.000.000	283.954.230
- Đối tượng khác	3.242.451.691	1.620.119.852
b. Dài hạn	-	107.811.596
- Cục Đường sắt Việt Nam	-	107.811.596
	<u>5.896.559.689</u>	<u>3.055.312.603</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Ngắn hạn	10.670.579.588	10.670.579.588	14.852.774.170	14.852.774.170
- Công ty CP Việt Tiên Sơn Địa ốc	2.763.413.000	2.763.413.000	2.763.413.000	2.763.413.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Hà Nội	917.571.320	917.571.320	1.317.571.320	1.317.571.320
- Công ty CP Tư vấn đầu tư giao thông vận tải Sài Gòn	691.214.000	691.214.000	771.466.000	771.466.000
- Công ty TNHH Vận tải đường sắt Sài Gòn	568.743.870	568.743.870	668.743.870	668.743.870
- Các đối tượng khác	5.729.637.398	5.729.637.398	9.331.579.980	9.331.579.980
b. Dài hạn	4.659.858.824	4.659.858.824	4.659.858.824	4.659.858.824
- Công ty CP Tư vấn đo đạc và Khảo sát xây dựng Hàm đường bộ	1.822.805.586	1.822.805.586	1.822.805.586	1.822.805.586
- Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ	1.774.702.905	1.774.702.905	1.774.702.905	1.774.702.905
- Các đối tượng khác	1.062.350.333	1.062.350.333	1.062.350.333	1.062.350.333
	15.330.438.412	15.330.438.412	19.512.632.994	19.512.632.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.560.871.667	5.005.789.923	2.919.070.692	6.647.590.898
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.270.189.324	890.713.510	1.260.088.508	900.814.326
- Thuế thu nhập cá nhân	786.678.250	565.081.152	127.974.669	1.223.784.733
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	770.377.059	1.127.959.227	1.348.066.958	550.269.328
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	7.388.116.300	7.592.543.812	5.658.200.827	9.322.459.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	602.980.628	362.721.742
	<u>602.980.628</u>	<u>362.721.742</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	613.857.264	511.149.664
- BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ	55.025.738	14.537.248
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.472.296.571	4.722.401.368
+ Cổ tức	3.494.582.160	3.659.082.160
+ Thù lao HĐQT, BKS	204.000.000	102.000.000
+ Phải trả nhà thầu	136.474.545	136.474.545
+ Phải trả khác	637.239.866	824.844.663
	<u>5.141.179.573</u>	<u>5.248.088.280</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị Số có khả năng trả nợ		Trong năm	
	VND	VND	Tăng	Giảm
a. Vay và nợ ngắn hạn				
	34.695.323.543	34.695.323.543	43.849.309.543	61.734.189.800
Vay ngắn hạn	34.551.323.543	34.551.323.543	43.741.309.543	61.590.189.800
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa (1)	18.409.238.543	18.409.238.543	26.786.309.543	31.404.189.800
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Ba Đình	-	-	-	1.000.000.000
- Vay cá nhân (2)	16.142.085.000	16.142.085.000	16.955.000.000	29.186.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	144.000.000	144.000.000	108.000.000	144.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	144.000.000	144.000.000	108.000.000	144.000.000
b. Vay và nợ dài hạn	-	-	-	108.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	108.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	108.000.000

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT126-GTVT ngày 10/03/2022 với hạn mức tín dụng là 23.900.000.000 đồng, hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT126-GTVT ngày 04/02/2021, thời hạn tối đa của các khoản vay trong hạn mức: không quá 09 tháng, mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất thả nổi theo từng giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo được cụ thể trong các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số Công chứng 05979.2019/HĐTC, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/06/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Đống Đa và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số Công chứng 06088.2017/HĐTC quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/08/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Đống Đa và ông Đỗ Văn Hạt cùng vợ là bà Nguyễn Thị Trinh.
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2020/HĐBĐ/NHCT126-GTVT ngày 19/08/2020 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Đống Đa và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Khoản vay cá nhân - TRICC:

- Khoản vay các cá nhân ông Phạm Văn Thành với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giao nhận tiền, lãi suất 0%, mục đích vay: bên cho vay có nhu cầu mua đất ở tại dự án: Khu nhà ở thương mại tại ga đường sắt Hải Dương, thành phố Hải Dương. Hai bên sẽ thanh lý hợp đồng này và chuyển số tiền vay theo Hợp đồng này sang thực hiện các hợp đồng mua bán quyền sử dụng ở dự án trên khi dự án đủ điều kiện mở bán theo quy định của pháp luật.
- Khoản vay các cá nhân khác có lãi suất theo từng hợp đồng, thời hạn vay quy định trên hợp đồng từng lần vay, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 445.19.077.972902.TD ngày 05/01/2019 thời hạn tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày quy định tại văn bản nhận nợ, số tiền vay: 900.000.000 đồng, để mua 01 xe oto nhãn hiệu Mitsubishi Pajero Sport GLS G4 AT theo hợp đồng kinh tế số 1002/HĐKT-TT ngày 14/12/2018 ký với Công ty Cổ phần Ô tô Trung Thương, lãi suất cho vay thả nổi theo giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo bằng xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 30F - 517.50 số máy động cơ BM37116B31 số khung MMBGUKS50KH006610.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	20.295.890.000	9.369.810.653	2.143.890.967	31.809.591.620
- Lãi trong năm	-	-	132.331.166	132.331.166
- Chi trả cổ tức	-	-	(1.420.712.300)	(1.420.712.300)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(385.609.924)	(385.609.924)
- Giảm khác	-	(63.238.837)	-	(63.238.837)
31/12/2021	20.295.890.000	9.306.571.816	469.899.909	30.072.361.725
01/01/2022	20.295.890.000	9.306.571.816	469.899.909	30.072.361.725
- Lãi trong năm	-	-	1.709.862.380	1.709.862.380
31/12/2022	20.295.890.000	9.306.571.816	2.179.762.289	31.782.224.105

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	31/12/2022		01/01/2022	
	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Bà Đỗ Thị Minh Hải	5.062.440.000	24,94%	5.062.440.000	24,94%
Ông Đỗ Văn Hật	4.932.040.000	24,30%	4.932.040.000	24,30%
Ông Đặng Tuấn Cường	2.181.990.000	10,75%	2.181.990.000	10,75%
Ông Phạm Viết Hùng	2.014.160.000	9,92%	2.014.160.000	9,92%
Bà Nguyễn Thúy Hào	1.897.940.000	9,35%	1.897.940.000	9,35%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.000.000.000	4,93%	1.000.000.000	4,93%
Ông Hoàng Anh Tuấn	1.000.000.000	4,93%	1.000.000.000	4,93%
Ông Nguyễn Trường Thành	335.600.000	1,65%	335.600.000	1,65%
Ông Nguyễn Cảnh Cung	278.480.000	1,37%	278.480.000	1,37%
Các cổ đông khác	1.593.240.000	7,85%	1.593.240.000	7,85%
	20.295.890.000	100,00%	20.295.890.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.295.890.000	20.295.890.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.295.890.000	20.295.890.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	2.029.589	2.029.589
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.029.589	2.029.589
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.029.589	2.029.589
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.029.589	2.029.589
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	71.682.552.350	30.262.117.901
	71.682.552.350	30.262.117.901

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	46.903.295.490	16.936.716.516
	46.903.295.490	16.936.716.516

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.235.528	7.186.988
	8.235.528	7.186.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	2.731.576.885	2.357.811.891
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	19.633	784.130
	2.731.596.518	2.358.596.021

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	15.576.418.162	5.451.252.980
- Chi phí đồ dùng văn phòng	18.059.006	72.350.275
- Chi phí quản lý	5.396.243	10.211.954
- Chi phí khấu hao TSCĐ	483.662.803	483.662.803
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.130.959.227	785.741.440
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.655.357	305.326.088
- Chi phí khác bằng tiền	1.275.177.513	1.918.699.242
	18.893.328.311	9.027.244.782

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Tiền phạt vi phạm hành chính	492.283.793	1.382.339.212
- Tiền phạt hợp đồng	-	264.647.553
- Các khoản chi phí khác	69.708.686	-
	561.992.479	1.646.986.765

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.709.862.380	132.331.166
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.709.862.380	132.331.166
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.029.589	2.029.589
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	842	65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nhân công	39.634.651.808	13.869.779.264
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	550.862.943	187.872.103
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	592.741.806	592.741.806
- Chi phí công cụ, dụng cụ	100.345.922	196.396.456
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.875.903.508	5.157.144.669
- Chi phí bằng tiền khác	8.465.703.889	6.535.784.858
	55.220.209.876	26.539.719.156

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.600.575.890	522.873.396
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.852.991.659	2.266.713.961
- Chi phí lãi vay không đủ điều kiện khấu trừ	779.746.140	883.590.619
- Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính	492.283.793	1.382.339.212
- Chi phí các công trình dở dang không tiếp tục triển khai	580.942.093	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm	19.633	784.130
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	4.453.567.549	2.789.587.357
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	890.713.510	557.917.471
Chi phí thuế TNDN hiện hành	890.713.510	557.917.471
- Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	-	(167.375.241)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	890.713.510	390.542.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Hội đồng quản trị		656.875.070	385.548.721
- Ông Đỗ Văn Hạng	Chủ tịch	212.700.000	200.000
- Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên	-	15.919.454
- Ông Đặng Anh Hào	Thành viên	331.975.070	357.429.267
- Ông Nguyễn Công Phú	Thành viên	112.200.000	12.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		1.386.181.487	1.249.177.522
- Ông Nguyễn Trường Thành	Tổng Giám đốc	472.612.593	408.437.269
- Ông Đặng Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc	180.363.172	116.732.902
- Ông Vũ Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	396.287.970	412.357.039
- Bà Nguyễn Thúy Hào	Kế toán trưởng	336.917.752	311.650.312

SỬ DỤNG TÀI SẢN BẢO CHO KHOẢN VAY

Ông Đỗ Văn Hạng - Chủ tịch HĐQT cùng vợ đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT126-GTVT ngày 10/03/2022 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa (Xem tại Thuyết minh số 18).

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Phạm Mỹ Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số 26, Ngõ 371 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Số: 01/2023

THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC**Kính gửi: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY**

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng (với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp):

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán số 363/2022/UHY-HĐKT ngày 23/11/2022 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
- (3) Công ty có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp.
- (4) Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế Công ty trên các báo cáo tài chính.
- (5) Chúng tôi xác nhận rằng Công ty đã không sử dụng bất kỳ luật sư nào trong năm cho bất kỳ tranh chấp hay khiếu nại nào.
- (6) Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được giải thích và thuyết minh đầy đủ tại mục số 29 Bản thuyết minh báo cáo tài chính một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (7) Chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam.
- (8) Chúng tôi không có bất kỳ kế hoạch nào có thể dẫn đến thay đổi trọng yếu giá trị cũng như phân loại của tài sản và nợ phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính.
- (9) Chúng tôi đã cung cấp cho Ông/Bà:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán;
 - Các Biên bản họp, các Nghị quyết của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- (10) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- (11) Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
- (12) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến: Ban Giám đốc; Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- (13) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (14) Chúng tôi đã công bố cho Ông/Bà danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.
- (15) Chúng tôi cam kết rằng công tác tạm ứng là để thực hiện đúng mục đích, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh hoặc giải quyết các công việc khác đã được phê duyệt theo đúng thẩm quyền. Đối với một số cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc tại Công ty nhưng chưa hoàn trả số tiền tạm ứng với giá trị là 1.108.671.216 đồng (chi tiết về số tiền tại Phụ lục 01), chúng tôi dự kiến sẽ thu hồi số tiền nêu trên khi các cá nhân liên hệ với Công ty để hoàn tất các thủ tục liên quan đến BHXH.
- (16) Hiện tại, ngoài sự kiện như đã thuyết minh trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, không còn các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải xem xét lại số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hoặc phải thuyết minh bổ sung. Chúng tôi sẽ thông báo cho Quý vị nếu có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày lại số liệu hoặc thuyết minh bổ sung trong Báo cáo tài chính.
- (17) Các báo cáo tài chính đã thuyết minh tất cả các vấn đề mà chúng tôi biết có liên quan đến khả năng hoạt động theo nguyên tắc hoạt động liên tục.
- (18) Chúng tôi đã cân nhắc đến tất cả các bút toán điều chỉnh mà Quý vị đề nghị và xác nhận chúng tôi chấp nhận các bút toán điều chỉnh này.

Trân trọng,

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Trương Thành

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Hảo

Phụ lục 01: Danh sách CBCNV

STT	Tên nhân viên	Số dư cuối kỳ
1	Bùi Thanh Phúc	170.000.000
2	Đoàn Thanh Đạo	780.000
3	Lê Hồng Dương	100.000.000
4	Lê Thị Thu Hà	70.000.000
5	Lê Văn Phương	18.000.000
6	Lưu Huỳnh Đức	3.000.000
7	Nguyễn Kim Hoài	1.600.000
8	Nguyễn Phương Lan	492.791.216
9	Nguyễn Trọng Thắng	22.500.000
10	Phạm Tiến Tài	180.000.000
11	Phạm Việt Hùng	50.000.000
Cộng		1.108.671.216